

DOI: 10.58490/ctump.2025i91.3889

**KHẢO SÁT KIẾN THỨC, THỰC HÀNH CỦA NGƯỜI DÂN
VỀ SỬ DỤNG KHÁNG SINH TẠI XÃ VĨNH HÒA HƯNG BẮC,
HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG NĂM 2023**

Nguyễn Phương Toai^{1}, Trương Chí Nguyễn², Nguyễn Phú Quý²,
Nguyễn Thị Lam Ngọc^{1,3}, Lê Trung Hiếu¹, Bùi Thị Bích Thủy¹, Trần Thị Kim Liên¹*

1. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

2. Trung tâm Y tế Vĩnh Hòa Hưng Bắc

3. Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

*Email: nptoai@ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 02/4/2025

Ngày phản biện: 09/9/2025

Ngày duyệt đăng: 25/9/2025

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Kháng sinh rất quan trọng trong bảo vệ sức khỏe con người. Ở Việt Nam, kháng sinh được dùng rất rộng rãi. Tuy nhiên, nếu bị lạm dụng kháng sinh sẽ mang lại những tác hại sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định tỉ lệ kiến thức, thực hành đúng về kháng sinh của người dân nông thôn tại xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, Kiên Giang năm 2023 và một số yếu tố liên quan. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích trên 439 người dân sống tại xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, Gò Quao, Kiên Giang từ tháng 06/2023 đến tháng 8/2023. **Kết quả:** Chỉ có 43,5% người dân trả lời đúng kiến thức về kháng sinh dùng để trị bệnh do vi khuẩn; 56,0% nhận biết kháng sinh có tác dụng phụ. Có 38,3% người cho là kháng sinh có thể trị bệnh vi rút, 52,8% người dân có chia sẻ kháng sinh cho người khác, 62,2% người dân tự yêu cầu mua kháng sinh... Một số yếu tố liên quan đến sử dụng kháng sinh như tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn, tham gia bảo hiểm y tế và lựa chọn dịch vụ y tế ($p \leq 0,05$). **Kết luận:** 42,8% người dân có hiểu biết đúng về kháng sinh, nhưng chỉ có 10% sử dụng kháng sinh đúng cách, có mối liên quan giữa kiến thức, thực hành sử dụng kháng sinh với giới, nhóm tuổi, trình độ học vấn, nơi lựa chọn dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

Từ khóa: kháng sinh, kiến thức, thực hành.

ABSTRACT

**SURVEY ON PEOPLE'S KNOWLEDGE AND PRACTICE ON THE USE
OF ANTIBIOTICS IN VINH HOA HUNG BAC COMMUNE, GO QUAO
DISTRICT, KIEN GIANG PROVINCE IN 2023**

Nguyen Phuong Toai^{1}, Trương Chí Nguyễn², Nguyen Phu Quy²,
Nguyễn Thị Lam Ngọc^{1,3}, Le Trung Hieu¹, Bui Thi Bich Thuy¹, Tran Thi Kim Lien¹*

1. Can Tho University of Medicine and Pharmacy

2. Vinh Hoa Hung Bac Health Center

3. Can Tho University of Medicine and Pharmacy Hospital

Background: Antibiotics are very important in protecting human health. In Vietnam, antibiotics are widely used. However, if antibiotics are abused, it will cause harm to the health of individuals and the community. **Objective:** To determine the rate of correct knowledge and practice about antibiotics among rural people in Vinh Hoa Hung Bac commune, Go Quao district, Kien Giang in 2023 and some related factors. **Materials and methods:** A cross-sectional descriptive study with analysis, on 439 people living in Vinh Hoa Hung Bac commune, Go Quao, Kien Giang from June

2023 to August 2023. **Results:** Only 43.5% of people answered correctly about knowledge about antibiotics used to treat bacterial diseases; 56.0% recognized that antibiotics have side effects. 38.3% of people believe that antibiotics can cure viral diseases, 52.8% of people shared antibiotics with others, 62.2% of people requested to buy antibiotics themselves... Some factors related to antibiotic use were age, occupation, education level, health insurance participation and choice of health care services ($p \leq 0.05$). **Conclusion:** 42.8% of people have correct knowledge about antibiotics, but only 10% use antibiotics properly, there is a relationship between knowledge and practice of antibiotic use with gender, age group, education level, and place of choice of health care services.

Keywords: antibiotics, knowledge, practice.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát minh kháng sinh (KS) mang lại một phát triển nhảy vọt của y học hiện đại, giúp điều trị những bệnh nhiễm khuẩn nguy hiểm đến tính mạng con người [1,2]. Tuy nhiên việc sử dụng thuốc KS không đúng cách (dùng thuốc sai liều, dùng thuốc không đúng, không đủ thời gian quy định...), dẫn đến sự phát triển các dòng vi khuẩn kháng thuốc [1]. Theo thống kê Việt Nam là quốc gia có tỉ lệ kháng thuốc cao trên thế giới. Đặc biệt là cộng đồng ở các khu vực nông thôn ít có điều kiện tiếp cận với các thông tin y học, truyền thông giáo dục sức khỏe [3]. Chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài với mục tiêu cụ thể như sau: 1) Xác định tỉ lệ kiến thức, thực hành đúng về KS của người dân tại xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, Kiên Giang năm 2023. 2) Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành về KS của người dân tại xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, Gò Quao, Kiên Giang năm 2023.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Người dân tại xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, Gò Quao, Kiên Giang.

- Tiêu chuẩn chọn mẫu

+ Người dân sống thường trú trên 6 tháng tại xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang vào thời điểm tiến hành nghiên cứu.

+ Độ tuổi từ 16 tuổi trở lên, đồng ý tham gia khảo sát.

+ Đối tượng có khả năng giao tiếp bình thường.

- Tiêu chuẩn loại trừ

+ Vắng mặt trong thời gian nghiên cứu.

+ Đối tượng nghiên cứu không trả lời đầy đủ các câu hỏi trong bản câu hỏi.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích.

- **Cỡ mẫu:** Áp dụng công thức tính cỡ mẫu ước lượng một tỉ lệ với độ chính xác tuyệt đối. Tỉ lệ người dân có kiến thức đúng về KS theo nghiên cứu của tác giả Phạm Thị Mỹ Dung “Thực trạng kiến thức, thái độ và thực hành sử dụng thuốc KS của người dân phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP. Hà Nội năm 2019 – 2020”, kiến thức tốt là 35.7%, [4] chọn $p=0.357$ Tính được $n=352$. Để dự phòng sai số, chúng tôi lấy thêm 10% cỡ mẫu, là 380 mẫu, làm tròn 400 mẫu. Số mẫu thực tế thu được 439 mẫu.

- Địa điểm và thời gian nghiên cứu:

+ Địa điểm: xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, Gò Quao, Kiên Giang.

+ Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 6/2023 đến tháng 8/2023.

- **Phương pháp chọn mẫu:** Chọn mẫu nhiều giai đoạn. Xã có 11 ấp, tổng dân số là 13.671 người, tiến hành chọn ngẫu nhiên 8 ấp, mỗi ấp lấy 50 mẫu bằng phương pháp ngẫu

nhiên hệ thống tùy vào dân số ta tính hệ số k cụ thể theo từng áp. Đối tượng được chọn mẫu là đại diện hộ gia đình có mặt trong thời gian khảo sát. Trường hợp, gia đình không có người đạt tiêu chuẩn mẫu thì đi sang nhà lân cận.

- **Nội dung nghiên cứu và phương pháp thu thập số liệu:** Số liệu được thu thập qua bộ câu hỏi được soạn sẵn bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp.

Thông tin chung: tuổi, giới tính, trình độ, nghề nghiệp,...

+ **Hiểu biết về KS:** Loại kháng sinh, bệnh lý điều trị, tác dụng phụ. Đánh giá mức độ hiểu biết/ thực hành về kháng sinh: Mỗi câu đúng được 1 điểm, sai không có điểm, tổng điểm chia làm 2 loại như sau: đúng: $\geq 2/3$, chưa đúng: $< 2/3$.

+ **Hiểu biết về đề kháng KS:** Định nghĩa, nguyên nhân, hậu quả, dùng kháng sinh đúng cách có xảy ra đề kháng, có thể góp phần hạn chế đề kháng kháng sinh, biện pháp hạn chế. Đánh giá mức độ hiểu biết cơ bản về đề kháng kháng sinh: Mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm, trả lời sai 0 điểm, tối đa 6 điểm. đúng: $\geq 4/6$, chưa đúng: $< 4/6$.

+ **Sử dụng KS:** Khi mua KS có toa (đơn) thuốc bác sĩ, chia sẻ KS, tự yêu cầu một loại KS với nhân viên y tế, tự ý dùng KS khi cảm cúm, dùng KS chữa vết thương, thời gian ngưng KS, thời điểm uống KS, uống KS với nước gì, uống bao nhiêu nước. Đánh giá thực hành về sử dụng KS: Mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm, trả lời sai 0 điểm, tổng điểm tối đa 12 điểm: đúng: $\geq 8/12$ câu, chưa đúng: $< 8/12$ câu.

- **Phương pháp xử lý và phân tích số liệu:** Số liệu xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. Những thống kê mô tả gồm tần số, tỉ lệ phần trăm các biến số, số trung bình, độ lệch chuẩn. Thống kê phân tích như đo lường OR và khoảng tin cậy 95% để đánh giá các mối liên quan, phép kiểm Chi bình phương (χ^2), T test, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê khi giá trị p ở mức ý nghĩa $\leq 0,05$. Phân tích đơn biến, đa biến bằng mô hình hồi qui logistic.

- **Đạo đức nghiên cứu:** Nghiên cứu được Hội đồng Đạo đức Y sinh học Trường Đại học Y Dược Cần Thơ thông qua theo chấp thuận số 23.028.GV/PCT-HĐĐĐ. Đối tượng nghiên cứu được giải thích cụ thể về mục đích, nội dung nghiên cứu và tự nguyện tham gia.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Thông tin chung của đối tượng

Đặc điểm (n = 439)		Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Giới tính	Nam	189	43,1
	Nữ	250	56,9
Nhóm tuổi	16 – 24	67	15,3
	25 – 34	68	15,5
	35 – 44	76	17,3
	45 – 54	75	17,1
	55 – 64	82	18,7
	> 65	71	16,2
Trình độ học vấn	Mù chữ, biết đọc, biết viết	12	2,7
	Cấp 1, cấp 2	226	51,5
	Cấp 3, trung cấp, cao đẳng	158	36,0
	Đại học, sau đại học	43	9,8

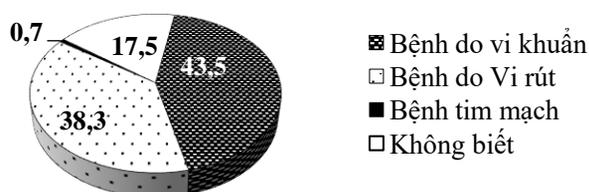
Nhận xét: Tỉ lệ nữ tham gia nghiên cứu nhiều hơn nam (nữ: 56,9%), tuổi chiếm tỉ lệ cao nhất là 55-64 chiếm 18,7%, nhóm tuổi 16 - 24 chiếm tỉ lệ thấp nhất với 15,3%. Trình độ cấp 1 và 2 chiếm 51,5%.

Bảng 2. Đặc điểm về lựa chọn dịch vụ y tế của đối tượng nghiên cứu

Lựa chọn dịch vụ y tế	Tần số (n)	Ti lệ (%)
Nhà thuốc, quầy thuốc tư	387	88,2
Phòng khám tư	205	46,7
Bệnh viện/ trạm y tế xã	400	91,1

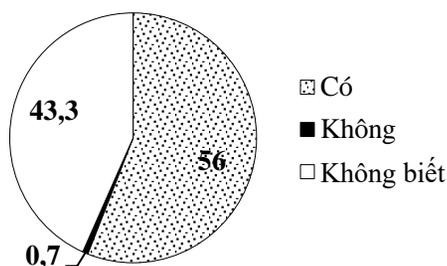
Nhận xét: Người dân lựa chọn bệnh viện/trạm y tế xã để khám bệnh chiếm 91,1%.

3.2. Tỷ lệ kiến thức, thực hành đúng về kháng sinh



Biểu đồ 1. Tác nhân gây bệnh (n = 439).

Nhận xét: Đối tượng NC cho rằng KS có thể sử dụng trong điều trị các bệnh lý do vi khuẩn là 43,5%, bệnh do vi rút là 38,3%.



Biểu đồ 2. Tác dụng phụ của KS (n=439).

Nhận xét: Có 56% người dân trả lời KS có tác dụng phụ, 0,7% người dân trả lời là không có tác dụng phụ cùng với 43,3% không biết rõ.

Bảng 3. Các tác dụng phụ của KS

Tác dụng phụ của KS		Tần số (n)	Ti lệ (%)
Tác dụng phụ nào	Dị ứng	249	100
	Tiêu chảy	42	16,9
	Tăng huyết áp	42	16,9
	Khác	166	66,7
	Tổng	249	100

Nhận xét: Kết quả cho thấy các tác dụng phụ thường gặp của KS là dị ứng chiếm 100%, tiêu chảy và tăng huyết áp chiếm 16,9%

Bảng 4. Thực hành sử dụng kháng sinh

Cách sử dụng dụng KS (n=439)		Tần số (n)	Ti lệ (%)
Loại nước	Nước trái cây/ nước có gas	388	88,4
	Sữa	208	47,4
	Trà/ cà phê	87	19,8
	Nước lọc/ nước đun sôi để nguội	428	97,5

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 91/2025

Cách sử dụng dụng KS (n=439)		Tần số (n)	Tỉ lệ (%)
Lượng nước	40ml	229	52,2
	60ml	207	47,2
	80ml	3	0,7
Thời gian sử dụng KS	Tùy loại KS	179	40,8
	Buổi sáng	2	0,5
	Lúc no	221	50,3
	Lúc nào cũng được	37	8,4
Cách xử trí khi có triệu chứng bất thường khi dùng KS	Ngưng thuốc và hỏi ý kiến bác sĩ, dược sĩ	210	47,8
	Chuyển sang thuốc khác	297	67,7
	Hỏi ý kiến bạn bè/ người thân	356	81,1
	Không làm gì vẫn tiếp tục uống thuốc	87	19,8

Nhận xét: 97,5% người dân chọn nước lọc; 50,3% người dân dùng KS vào lúc no; Có 81,1% hỏi bạn bè/người thân khi có triệu chứng bất thường; 19,8% không làm gì.

Bảng 5. Đánh giá mức độ hiểu biết cơ bản, thực hành về KS

Mức độ (n = 439)		Tần số	Tỉ lệ (%)
Hiểu biết	Đúng	188	42,8
	Chưa đúng	251	57,2
Thực hành	Đúng	44	10
	Chưa đúng	395	90

Nhận xét: 42,8% người dân hiểu đúng về KS, 90% sử dụng KS chưa đúng.

3.3. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành về kháng sinh

Bảng 6. Một số yếu tố liên quan về kiến thức kháng sinh

		Kiến thức		OR (CI 95%)	p
		Đúng (n)%	Chưa đúng (n)%		
Giới tính	Nam	71 (37,6)	118 (62,4)	0,68 (0,47- 1,01)	0,05
	Nữ	117(46,8)	133(53,2)		
Nhóm tuổi	35-44 tuổi	30 (39,5)	46 (60,5)	2,86 (1,16- 7,04)	0,02
	45- 54 tuổi	24 (32,0)	51 (68,0)	3,39 (1,35- 8,54)	0,01
	≥ 65 tuổi	43 (60,6)	28 (39,4)	-	-
Trình độ	< Đại học	147(37,1)	249(62,9)	0,03(0,01- 0,12)	<0,001
	≥Đại học	41 (95,3)	2 (4,7)*		
BHYT	Có	185(46,2)	215(53,8)	10,33(3,13- 34,08)	<0,001
	Không	3 (7,7)	36 (92,3)		
Nhà thuốc, quầy thuốc	Có	154(39,8)	233(60,2)	0,35(0,19- 0,64)	<0,001
	Không	34(65,4)	18 (34,6)		
Phòng khám bác sĩ	Có	146(71,2)	59 (28,8)	11,31(7,21- 17,75)	<0,001
	Không	42 (17,9)	192(82,1)		
Bệnh viện, TYT	Có	185(46,2)	215(53,8)	10,33(3,13- 34,08)	<0,001
	Không	3 (7,7)	36 (92,3)		

* Fisher's Exact Test

Nhận xét: Tìm thấy mối liên quan ý nghĩa thống kê giữa giới tính, trình độ, nhóm tuổi và mức độ hiểu biết KS ($p \leq 0,05$).

Bảng 7. Một số yếu tố liên quan về thực hành kháng sinh

		Thực hành		OR (CI 95%)	p
		Đúng (n)%	Chưa đúng (n)%		
Giới tính	Nam	18 (9,5)	171 (90,5)	0,91 (0,48-1,71)	0,76
	Nữ	26 (10,4)	224 (89,6)		
Nhóm tuổi	25- 34 tuổi	14 (20,6)	54 (79,4)	0,36 (0,13-0,99)	0,05
	≥ 65 tuổi	43 (60,6)	28 (39,4)	-	-
Trình độ học vấn	< Đại học	17 (4,3)	379(95,7)	0,03 (0,01-0,06)	<0,001
	≥ Đại học	27 (62,8)	16 (37,2)		

*Fisher's Exact test

Nhận xét: Tìm thấy mối liên quan ý nghĩa thống kê giữa trình độ, nhóm tuổi 25-34 tuổi và mức độ hiểu biết KS ($p \leq 0,05$).

IV. BÀN LUẬN

4.1. Tỷ lệ kiến thức, thực hành đúng về kháng sinh

Kết quả nghiên cứu trên 439 người dân từ 6/2023 đến 8/2023 cho kết quả như sau:

Có 43,5% hiểu biết đúng là KS có thể điều trị bệnh do vi khuẩn, kết quả này thấp hơn một số nghiên cứu như: của Phạm Thị Mỹ Dung có 64,3% [4], của Trần Thị Mỹ có 62,6% [5]. Có 56% người dân cho rằng KS có tác dụng phụ tương đồng với một số nghiên cứu như: của Lê Thị Tâm chiếm 54% [6]. Thấp hơn nghiên cứu của Võ Thị Thu Hương có 68,5% [7]. Có thể là do người dân nông thôn chưa phân biệt được tác dụng phụ với các triệu chứng do bệnh lý nên không biết đó là do KS. Khi gặp những tác dụng phụ thì đến 81,1% không ngưng thuốc hay đến các cơ quan y tế để được tư vấn mà lại thăm dò ý kiến bạn bè/người thân. Việc lạm dụng hay dùng sai KS chỉ làm gây ra thêm nhiều tác dụng phụ (TDP) và gia tăng sự đề kháng.

4.2. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành về kháng sinh

Theo kết quả nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận có mối liên quan ý nghĩa thống kê giữa giới tính và mức độ hiểu biết KS ($p \leq 0,05$), nhóm giới tính Nam có mức độ hiểu biết KS thấp hơn 0,68 lần (CL 95%: 0,47- 1,01) so với nhóm giới tính nữ. Tương đồng với nghiên cứu của Phạm Thị Mỹ Dung [4]. Người phụ nữ có xu hướng cẩn thận hơn khi dùng thuốc, nên có thể họ tìm hiểu thông tin hơn nam giới. Kết quả cũng cho thấy nam có hành vi sử dụng KS đúng thấp hơn nữ gấp 0,91 lần (CL 95%: 0,48- 1,71) so với nữ. Tuy nhiên sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$. Tương đồng với nghiên cứu của Lê Thị Mỹ Ngọc [8].

Chúng tôi còn ghi nhận có mối liên quan ý nghĩa thống kê giữa nhóm tuổi và mức độ hiểu biết KS ($p \leq 0,05$). Tương đồng với nghiên cứu của Phạm Thị Mỹ Dung [5]. Cũng như có mối liên quan ý nghĩa thống kê giữa nhóm tuổi và hành vi sử dụng KS ($p \leq 0,05$). Tương đồng với nghiên cứu của Phạm Thị Mỹ Dung với $p \leq 0,05$ [4]. Vì có thể người trẻ tiếp cận kiến thức dễ dàng nhờ công nghệ thông tin.

Ngoài ra, còn có liên quan với ý nghĩa thống kê giữa tham gia BHYT và mức độ hiểu biết về KS ($p \leq 0,05$). Nhóm tham gia BHYT có mức độ hiểu biết đúng gấp 10,33 lần (CL 95%: 3,13- 34,08) so với nhóm không tham gia BHYT. Người dân có tham gia BHYT có điều kiện được tiếp cận giáo dục sức khỏe qua các hình thức ở bệnh viện, trạm y tế, nhiều

hơn là nhóm lựa chọn nhà thuốc, quầy thuốc tư. Vì điều kiện tư vấn ở nhà thuốc không đầy đủ tác dụng và nguy cơ của KS.

Có mối liên quan ý nghĩa thống kê giữa trình độ học vấn và hành vi sử dụng KS ($p \leq 0,05$). Tương đồng với nghiên cứu của Phạm Thị Mỹ Dung [4]. Điều này phù hợp, vì người có trình độ học vấn càng cao thì hành vi sử dụng KS càng đúng.

V. KẾT LUẬN

Trong 439 đối tượng tham gia nghiên cứu, chúng tôi ghi nhận có 42,8% người dân có hiểu biết đúng về KS, nhưng trong hành vi chỉ có 10% người dân thực sự sử dụng KS đúng, các đặc điểm như nhóm tuổi, trình độ học vấn, BHYT, lựa chọn dịch vụ y tế có mối liên quan đến kiến thức, hành vi sử dụng KS ($p \leq 0,05$).

LỜI CẢM ƠN

Nhóm nghiên cứu chân thành cảm ơn Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài theo quyết định số 1761/QĐ-ĐHYDCT ngày 15/5/2023 của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế. Chuyên mục sử dụng hợp lý thuốc kháng sinh. Dược thư Quốc gia Việt Nam. 2018. 70-72.
 2. Bộ Y tế. Quyết định số 708/QĐ-BYT ngày 02/3/2015 về việc ban hành tài liệu chuyên môn Hướng dẫn sử dụng kháng sinh. 2015.
 3. WHO. Antimicrobial resistance. 2021. <https://www.who.int/en/news-room/fact-sheets/detail/antimicrobial-resistance>
 4. Phạm Thị Mỹ Dung. Thực trạng kiến thức, thái độ và thực hành sử dụng thuốc kháng sinh của người dân phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP. Hà Nội năm 2019–2020. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2023. 527(1), 257-262, <https://doi.org/10.51298/vmj.v527i1.5677>.
 5. Trần Thị Mỹ, cộng sự. Khảo sát thực trạng sử dụng kháng sinh và kiến thức về sử dụng kháng sinh của người dân tại thành phố Đà Nẵng. *Tạp chí Y học Cộng đồng*. 2024. 66(2), 158-164, <https://doi.org/10.52163/yhc.v66i2.2061>.
 6. Lê Thị Tâm. Kiến thức, thái độ, sử dụng kháng sinh của người dân đến khám tại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ. Luận văn tốt nghiệp Bác sĩ Răng Hàm Mặt, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. 2012.
 7. Võ Thị Thu Hương. Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến kiến thức sử dụng thuốc kháng sinh của người chăm sóc trẻ tại Bệnh viện Nhi tỉnh Nam Định năm 2018. *Tạp chí Khoa học Điều dưỡng*. 2018. 2(3), 52-60.
 8. Lê Thị Mỹ Ngọc, cộng sự. Phân tích kiến thức, thái độ, hành vi trong sử dụng kháng sinh của người dân tỉnh Phú Yên năm 2021–2022. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân*. 2022. 6(61), 74-84.
-